

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 của Trung tâm Thông tin

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 28/12/2019 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 của Trung tâm Thông tin;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức Hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 của Trung tâm Thông tin theo Biểu phụ lục 01.

- 1. Dự toán chi thường xuyên** (loại 280-338): 2.780.000.000 đồng; trong đó:
 - Chi quỹ lương: 2.206.000.000 (bao gồm cả kinh phí cải cách tiền lương 57 triệu đồng)
 - Chi phí dịch vụ chuyên môn 28 người: 574.000.000 đồng

2. Dự toán chi không thường xuyên:

- 2.1 Loại 280-338: 50.000.000 đồng;
- 2.2 Loại 250-278: 350.000.000 đồng;
- 2.3 Loại 340-341: 1.900.000.000 đồng;
- 2.4 Loại 160-171: 1.200.000.000 đồng;
- 2.5 Loại 100-103: 400.000.000 đồng;
- 2.6 Loại 070-083: 20.000.000.000 đồng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Trưởng các phòng và các cá nhân khác có liên quan thuộc Trung tâm Thông tin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ Kế hoạch-Tài chính;
- Lưu TTTT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hà

DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 26..QĐ-TTTT ngày 18./.../2020 của Giám đốc Trung tâm Thông tin
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
I	Số thu phí, lệ phí	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	26.680
I	Nguồn ngân sách trong nước	26.680
1	Chi quản lý hành chính	1.900
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.900
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	400
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0
2.2	Kinh phí giao khoán	400
2.3	Kinh phí không giao khoán	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	20.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
6	Chi sự nghiệp kinh tế	2.830
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.780
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	50
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	350
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	350
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.200

8.1	Kinh phí giao thường xuyên	0
8.2	Kinh phí không giao thường xuyên	1.200
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
II	Nguồn vốn viện trợ	0
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Dự án A	0
1.2	Dự án B	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Dự án A	0
2.2	Dự án B	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0
3.1	Dự án A	0
3.2	Dự án B	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Dự án A	0
4.2	Dự án B	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0
5.1	Dự án A	0
2.2	Dự án B	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0
6.1	Dự án A	0
6.2	Dự án B	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Dự án A	0
7.2	Dự án B	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
8.1	Dự án A	0
8.2	Dự án B	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Dự án A	0
9.2	Dự án B	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Dự án A	0
10.2	Dự án B	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Dự án A	0
1.2	Dự án B	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
2.1	Dự án A	0



2.2	Dự án B	0
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0
3.1	Dự án A	0
3.2	Dự án B	0
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Dự án A	0
4.2	Dự án B	0
5	Chỉ bảo đảm xã hội	0
5.1	Dự án A	0
2.2	Dự án B	0
6	Chỉ hoạt động kinh tế	0
6.1	Dự án A	0
6.2	Dự án B	0
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Dự án A	0
7.2	Dự án B	0
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	0
8.1	Dự án A	0
8.2	Dự án B	0
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Dự án A	0
9.2	Dự án B	0
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Dự án A	0
10.2	Dự án B	0

